

Về thực trạng và xu hướng chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay

TÔ DUY HỢP*

Đề tài "Sự Chuyển đổi cơ cấu xã hội và định hướng giá trị ở nông thôn trong bối cảnh cả nước chuyển dần sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần định hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội" được ý thức rõ nét từ sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988).

Thực hiện đề tài trên, từ năm 1989 đến nay chúng tôi đã tiến hành điều tra xã hội học ở một số xã nông thôn đồng bằng Bắc Bộ bao gồm: 1) Xã Đông Dương (Đông Hưng, Thái Bình), tháng 11-1989, 200 hộ gia đình được trưng cầu ý kiến; 2) Xã Nguyên Xá (Đông Hưng, Thái Bình) tháng 12-1989, 50 hộ; 3) Xã Đình Bảng (Tiên Sơn, Hà Bắc), tháng 3-1990, 68 hộ; 4) Xã Tam Sơn (Tiên Sơn, Hà Bắc), tháng 3-1990, 145 hộ ; 5) Xã Hải Vân (Hải Hậu, Hà Nam Ninh), tháng 5-1990, 206 hộ gia đình được trưng cầu ý kiến. Ngoài ra, chúng tôi có tham gia khảo sát một số địa phương khác như Lô Giang (Đông Hưng, Thái Bình) La Phù (Hoài Đức, Hà Nội), Phạm Trấn, Thạch Khôi, Toàn Thắng (Tứ Lộc, Hải Hưng) chủ yếu bằng phương pháp quan sát và phỏng vấn chuyên sâu.

Kết quả điều tra xã hội học nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong 10 năm qua, nhất là từ sau chỉ thị 100 của Ban bí thư trung ương (1 -1981) đã được tổng hợp lại theo các chủ đề. Riêng nhóm chúng tôi có 2 bản tổng hợp: 1/ Cơ cấu lao động và nghề nghiệp - xã hội trong nông thôn - nông nghiệp đồng bằng sông Hồng 1975 - 1986 do đồng chí Đỗ Thanh Hồng thực hiện và 2/ Số liệu điều tra xã hội học về cơ cấu xã hội - giai cấp 1983 - 1987 do đồng chí Phạm Văn Phú tổng hợp.

Từ những khảo sát trên, kết hợp việc so sánh, đối chiếu với các kết quả nghiên cứu ở Viện Xã hội học về xã hội học Dân số, Gia đình, Văn hóa. . . chúng tôi xin trình bày tóm tắt những đặc điểm và xu hướng chủ yếu của các chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay như sau.¹

Cơ cấu xã hội nông thôn kiểu cũ *đang chuyển đổi dần sang* cơ cấu xã hội nông thôn kiểu mới ít nhiều ăn nhập với sự chuyển đổi của cơ cấu và cơ chế kinh tế cũng từ kiểu cũ sang kiểu mới. Nói chung, những chuyển đổi kinh tế - xã hội của cả nước ta hiện nay đều đi theo định hướng chính là *chuyển dần sang* nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mở rộng dân chủ hóa và mở cửa, mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết quốc tế.

Trong tổng thể của những quá trình chuyển đổi vừa có tính chất tuần tự trước sau lại vừa có biểu hiện đồng thời này: 1) phân giải cơ cấu xã hội kiểu cũ; 2) tổ chức lại cơ cấu xã hội đó; và 3) xây dựng cơ cấu xã hội mới, có một quá trình *trung chuyển* hết sức quan trọng, nếu không nói là có ý nghĩa quyết định bước chuyển hẳn sang cơ cấu kiểu mới - *đó là quá trình xuất hiện và tăng trưởng của các yếu tố và quan hệ kinh tế - xã hội nửa mới ở nông thôn*. Nói chung, đó là *những hình thức, bước đi quá độ* mà thiếu chúng thì mục tiêu chuyển hẳn sang cơ cấu kinh tế - xã hội mới sẽ không bao giờ đạt tới mức trung thực tế. Nhóm đề tài chúng tôi đặc biệt lưu ý những quá trình trung chuyển này trong khảo sát thực tế cũng như khi tổng hợp số liệu điều tra xã hội học nông thôn.

* Phó tiến sĩ triết học - Trưởng phòng nghiên cứu Xã hội học nông thôn - Văn Xã hội học.

¹ Dọc giả quan tâm xin tham khảo các báo cáo khoa học của nhóm chúng tôi hiện lưu ở Viện Xã hội học gồm:

1) Tô Duy Hợp. *Những chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nước ta "gày nay - thực trạng và triển vọng*. 2) Đỗ Thanh Hồng. *Thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu lao động xã hội nông thôn đồng bằng sông Hồng trong điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa (1981 - 1990)*, 3) Phạm Văn Phú. *Cơ cấu giai cấp trong nông thôn miền Bắc hiện nay*, 4) Nguyễn Phan Lâm. *Về thái độ của nông dân đối với vai trò hợp tác xã ở nông thôn hiện nay trong số tác động của nhân tố thị trường*.

Khái quát lại cho đến nay, số liệu điều tra xã hội học nông thôn đồng bằng Bắc Bộ cho thấy khá rõ 3 trình độ chuyển đổi cơ cấu xã hội học nông thôn. Nếu lấy hộ gia đình làm đơn vị phân tích tổng hợp thông tin thì ta thấy có 3 loại hộ gia đình 1/hộ vượt trội, chủ động giàu có; 2/ hộ trung bình đủ ăn và 3/ hộ yếu kém, thụ động, nghèo khổ, thiếu ăn. Nếu lấy làng, xã làm đơn vị phân tích - tổng hợp thông tin thì ta cũng thấy có 3 loại làng, xã: 1/ làng, xã vượt trội, chủ động, giàu có; 2/ làng xã trung bình, đủ ăn; và 3/ làng, xã yếu kém, thụ động nghèo khổ, thiếu ăn.

Như vậy là, trong bối cảnh cả nước nói chung, nông thôn nói riêng chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội nông thôn bị phân tán và hình thành dần dần tháp phân tầng xã hội vượt trội - yếu kém, giàu có - nghèo khổ.

Trong mẫu đại diện của nhóm chúng tôi và của Viện Xã hội học nói chung, có sự phân bố như sau về trình độ năng lực chuyển đổi của các làng, xã đồng bằng Bắc Bộ hiện nay: 1/ Làng, xã vượt trội, giàu có: Ninh Hiệp (Gia Lâm, Hà Nội), Đình Bảng, Nam Giang (Nam Ninh, Hà Nam Ninh), Nguyên Xá. . . 2/ Làng, xã trung bình khá: Cát Quế (Hoài Đức, Hà Nội), ta Phù, Bình Minh (Thanh Oai, Hà Sơn Bình). . . 3/ Làng, xã trung bình: Sơn Đồng (Hoài Đức, Hà Nội), Quảng Bi (Hương Mỹ, Hà Sơn Bình), Đa Tốn (Gia Lâm, Hà Nội). . . 4/ Làng, xã trung bình kém: Tam Sơn, Hải Vân, Thạch Khôi, Đông Dương, 5/ Làng, xã yếu kém, nghèo khổ. Lô Giang, Phạm Trán. . .

Có mấy đặc điểm đáng chú ý: các làng xã vượt trội, giàu có hiện nay nói chung vốn là những làng xã giàu có trong truyền thống, đó là những làng nghề truyền thống đang cố gắng hiện đại hóa. Chưa có làng xã nào yếu kém, kể cả trung bình có thể trở thành vượt trội, giàu có trong điều kiện hiện nay. Nguy cơ bị sa sút dễ xảy ra hơn là triển vọng vươn lên. .

Đại bộ phận làng, xã ở đồng bằng Bắc Bộ thuộc diện trung bình, trung bình kém và yếu kém.

Số làng, xã vượt trội, giàu có ở mỗi huyện thậm chí ở mỗi tỉnh có thể đếm trên đầu ngón tay.

Mức độ vượt trội, giàu có của cả vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ chỉ ngang trình độ trung bình và trung bình khá của đồng bằng sông Cửu Long.

Tháp phân tầng xã hội của các hộ gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ có khác nhau ở các loại làng, xã khác nhau. Khái quát lại ta có hình thù như sau (xem bảng 1 và 2).

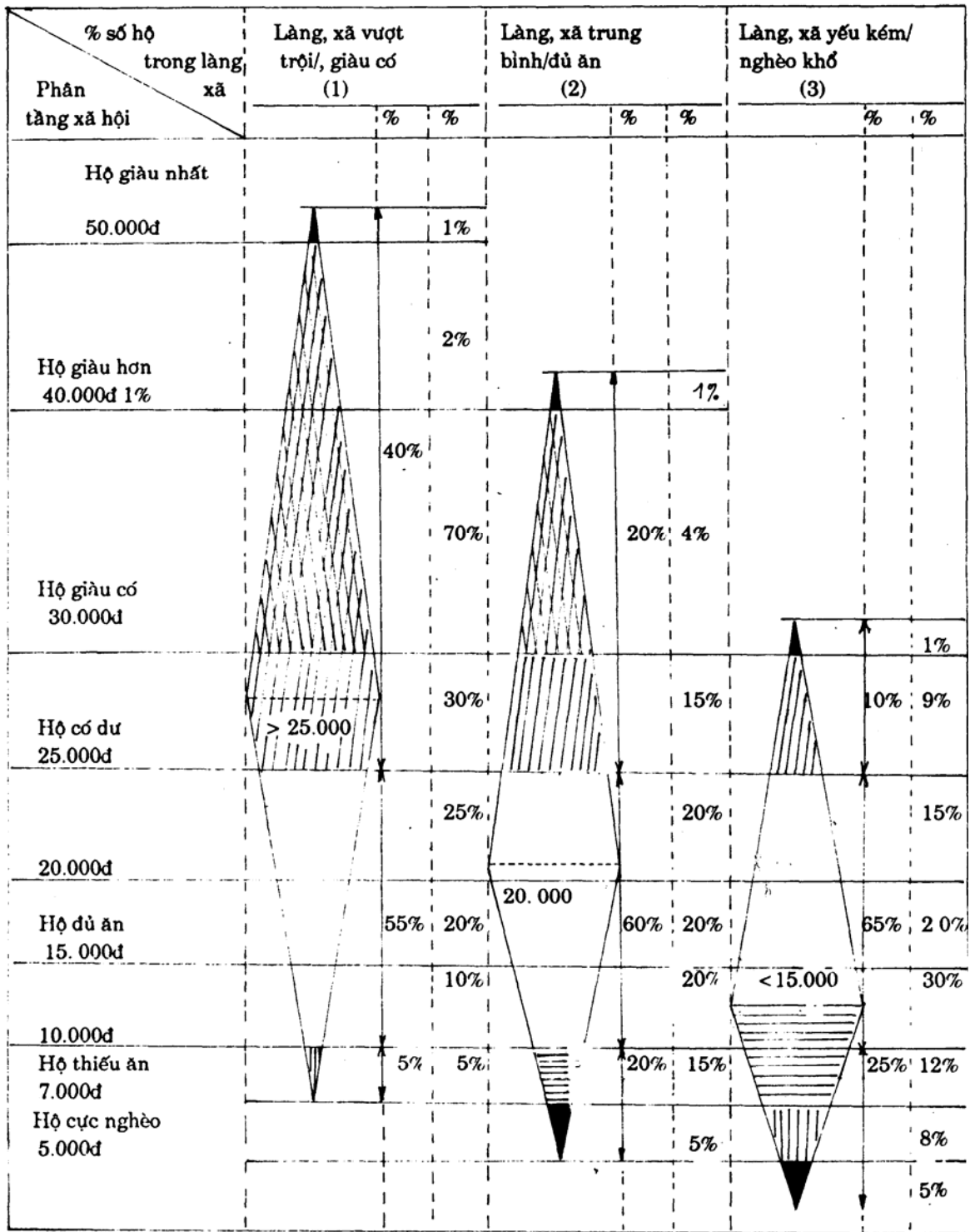
Tỉ lệ phần trăm của mỗi nhóm hộ giàu hoặc nghèo trong tổng số hộ của làng, xã sẽ cho ta hai khối tháp phân tầng xã hội, nếu lồng ghép đáy của chúng vào nhau thì ta sẽ có 2 đỉnh: đỉnh giàu nhất và đỉnh cực nghèo trong làng, xã.

Như vậy là, ở làng, xã vượt trội, giàu có, số hộ giàu, có dư chút ít chiếm 40% tổng số hộ, số hộ đủ ăn chiếm 55%, còn số hộ thiếu ăn chiếm 5%; ở làng, xã trung bình, đủ ăn thì số hộ giàu, có dư chỉ chiếm có 20%, số hộ đủ ăn lên tới 60%, còn số hộ thiếu ăn 20%; ở làng, xã yếu kém, nghèo khổ thì bức tranh hoàn toàn ngược lại so với làng, xã vượt trội, giàu có: 25% hộ thiếu ăn, trong đó 5% cùng cực, 65% hộ đủ ăn và chỉ có 10% hộ giàu có, mà mức độ giàu có nhất chỉ ngang bằng trung bình khá của làng, xã giàu, vượt trội.

Sự phân hóa này chủ yếu là do năng lực của các hộ gia đình và của các làng xã khác nhau - Với hộ gia đình chủ yếu là do năng lực tự chủ sản xuất - kinh doanh hàng hóa. Còn đối với làng, xã thì chủ yếu là do năng lực liên doanh liên kết trong nội bộ cũng như với bên ngoài. Nếu như trong điều kiện hiện thời chưa có làng, xã nào bỗng dưng giàu lên nhanh chóng, thì trái lại hiện tượng hộ gia đình bỗng nhiên giàu

Bảng 1. Ma trận tiêu chuẩn phân tích hộ giàu - nghèo ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay.

Tiêu chuẩn Loại hộ	Khả năng tự lo tiền vốn đầu tư	Có công cụ sản xuất hiện đại hoặc có công nghệ tiên tiến	Sản lượng lượng lương thực quy ra thóc b/q nhân khẩu/năm	Bình quân thu nhập nhân khẩu/tháng	Tình hình nhà ở nông thôn
	1	2	3.	4	5
1 Hộ giàu nhất	> 3000.000đ	Có máy phát lực hoặc là có máy công cụ	> 500kg	> 40.000đ.	Có nhà xây mái bằng
2 Hộ giàu có	< 3000.000đ > 2000.000đ	hoặc là có phương tiện vận chuyển cơ giới hay là có công nghệ tiên tiến	< 500kg > 400kg	< 40.000đ > 30.000đ	khang trang có tiện nghi ít nhiều hiện đại hóa
3 Hộ có dư	< 2000.000đ > 1000 000đ		< 400kg > 350kg	< 30.000đ >25.000đ	
4 Hộ đủ ăn	< 1000.000đ > 500.000đ	Không có công cụ cơ khí hóa, điện	< 350kg >300kg	<25.000đ >15.000đ	Có nhà mái ngói
5 Hộ thiếu ăn	< 500.000đ > 200.000đ	khí hóa, không có công	< 200kg > 100kg	<10.000đ > 7.000đ	nhà mái rạ thường là . vách đất lợp xụp
6 Hộ cực nghèo	< 200.000đ	nghệ tiên tiến	< 100kg	< 7.000đ	



lên nhanh chóng là khá phổ biến, nhất là ở các làng, xã vượt trội, giàu có. Điều này chứng tỏ *năng động hóa vi mô đang có cơ hội tiến triển mạnh mẽ ở nông thôn*.

Để làm giàu và nói chung để thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, người ta *buộc phải phân giải cơ cấu lao động xã hội nghề nghiệp bằng các quá trình phi tập trung hóa, phi nhà nước hóa, phi tập thể hóa, phi nông nghiệp hóa*. . . nhưng chỉ bằng chừng ấy quá trình phân giải cơ cấu xã hội cũ, người ta không thể cơ cấu lại theo kiểu mới và càng không thể xây dựng thành công cơ cấu xã hội kiểu mới, nếu thiếu những yếu tố và quan hệ xã hội mới. Muốn thế chỉ ít cần có những quá trình trung chuyển. Mà như chúng ta đang chứng kiến, phải chăng một trong những quá trình đó là *tư hữu hóa và tư nhân hóa*. Nhờ vậy mà có điều kiện tăng cường *năng động hóa vi mô, tự do hóa kinh tế* cũng như hình thành dần dần hình thức *hợp tác hóa kiểu mới* khác hẳn trước đây.

Hiện thời phương thức làm giàu nhanh chóng và phổ biến của cả vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ không phải là hộ chuyên doanh với tỉ suất hàng hóa cao mà là hộ *đa năng và đa phương*. Tại các làng, xã thông thường có sự kết hợp nghề nông là chính với việc làm hoặc cao hơn là với ngành nghề phi nông nghiệp (với tiểu thủ công nghiệp hoặc là với dịch vụ, buôn bán v. v. . .) để tăng thu nhập và có tích lũy để làm giàu và tái sản xuất mở rộng. Cũng có thể có kết hợp nghề phi nông nghiệp là chính với nghề nông, chủ yếu là để ổn định lương thực, thực phẩm của kinh tế hộ gia đình trong khi tích cực làm giàu theo hướng mở mang ngành nghề phi nông nghiệp. Chính vì vậy mà tỷ trọng hộ kết hợp nhiều ngành nghề, hệ kinh doanh tổng hợp chiếm đại đa số trong làng, xã. Hộ thuần nông nghiệp ngay ở làng, xã yếu kém cũng chỉ chiếm đến 60% là cùng (nhưng lao động chuyên nông nghiệp vẫn còn 80% ở làng, xã vượt trội thì đã giảm xuống còn 20% Trong khi đó, hộ chuyên phi nông nghiệp ngay ở làng xã vượt trội nhất đồng bằng Bắc Bộ cũng chưa vượt qua 20% (lao động chuyên phi nông nghiệp có thể lên tới 60 là), ở làng xã yếu kém chỉ chiếm 0,1% hoặc 0, 2% (xem thêm bảng 3). Chẳng hạn, tại xã Hải Vân, một xã chưa phải là yếu kém nhất vùng mà chỉ có 12 hộ chuyên phi nông nghiệp trên tổng số 1706 hộ, chiếm 0,7%

Bảng 3. Phân bố tỷ trọng ác loại hộ

Các loại hộ	Thuần nông nghiệp	Hộ nông nghiệp (%)			Hộ chuyên phi NN (%)			
		Nông nghiệp trên với			TTCN	DVBB	Kết	
		Tiểu Thủ công nghiệp (TTCN)	Dịch vụ buôn bán (DVBB)	TTCN và DVBB			Kết hợp TTCN với DVBB	Khác
Địa phương								
1 Ninh Hiệp ² (1989)	21	25,7	21	15,5	2,7	2,6	9	2,2
2 đất Quế ³ (1990)	43,1	34,8	17,4	3,3		1,3		

². Theo số liệu của nhóm điều tra do đồng chí Tôn Thiện Chiếu phụ trách

³. Theo số liệu của nhóm điều tra do đồng chí Lê Ngọc Văn phụ trách

Trong hộ đa năng, số lao động kiêm 2, 3 việc làm hay ngành nghề trở lên chiếm tỷ trọng đáng kể, nhất là ở các làng, xã vượt trội. Chẳng hạn có đến 88, 5% số người được hỏi ý kiến ở Đông Dương cho biết rằng trong hộ gia đình của họ có ít nhất một lao động chuyên làm nông nghiệp. Trong khi đó ở Nguyên Xá, chỉ có 52% số người được hỏi ý kiến cho biết trong hộ gia đình của họ có lao động chuyên nông nghiệp. Tình hình lao động kiêm 2 nghề trở lên cũng có đặc điểm tương tự. 42,5% số người được hỏi ý kiến ở Đông Dương cho biết trong hộ gia đình của họ có ít nhất một lao động kiêm 2 nghề trở lên. Trong khi đó ở Nguyên Xá 86% số người được hỏi ý kiến cho biết trong hộ gia đình của họ có một hoặc nhiều lao động kiêm 2 nghề trở lên.

Hộ gia đình *kinh doanh tổng hợp* đang là mô hình phổ biến nhất ở nông thôn đồng bằng bắc Bộ hiện nay. Cơ cấu phổ biến của hộ gia đình kinh doanh tổng hợp thường là trồng lúa, màu trên ruộng nhận khoán, đất % và đất vườn, kết hợp với một, hai hay nhiều việc làm có tính chất nghề phi nông nghiệp. Trong đó có sự phân công ít nhiều hợp lý giữa lao động chính và lao động phụ, lao động nam và lao động nữ, lao động làm chủ và lao động làm thuê, lao động tại chỗ và lao động ở địa phương khác.

Qua số liệu ở xã Hải Vân (5- 1990), ta thấy rõ sự cơ cấu lại lao động xã hội nghề nghiệp chủ yếu theo hướng hộ gia đình đa năng, hộ kinh doanh tổng hợp. Trong số 206 hộ được điều tra, có 204 hộ nông nghiệp có nhận ruộng khoán 1 hộ nông nghiệp không nhận ruộng khoán, 1 hộ chuyên phi nông nghiệp. 205 hộ nông nghiệp có kiêm nhiều việc làm và ngành nghề ngoài trồng trọt và phi nông nghiệp được phân tích ra thành các năm hộ sau đây⁴.

1. *Nhóm hộ thuần nông nghiệp*: 19 hộ/ chiếm 9,16%

11 Chuyên trồng trọt trên ruộng khoán (RK) : 2 hộ; 0, 87%

12. RK + VAC: 17 hộ; 8, 29%

2. *Nhóm hộ nông nghiệp có kết hợp nhiều việc tận/ phi nông nghiệp*: 186 hộ; 90, 69%

21. RK + VAC + 1 việc làm phi nông nghiệp.

105 hộ; 51, 2%

22. RK + VAC + 2 việc làm phi nông nghiệp

50 hộ; 24, 3%

23. RK + VAC + 3 việc làm phi nông nghiệp

14 hộ; 6, 82%

24. RK + 1 việc làm phi nông nghiệp.

7 hộ. 3, 417%

25. RK + 2 việc làm phi nông nghiệp

9 hộ; 4, 397Đ

26. VAC + 1 việc làm phi nông nghiệp

1 hộ, 0, 48%

Trong tổng số 205 hộ nông nghiệp có kiêm ngành nghề phi nông nghiệp được điều tra có đến 89, 75o(/) số hộ có lao động làm việc trong 5 nghề truyền thống ở nông thôn Bắc Bộ, đó là 1) của xe gỗ (28, 76%) mộc (18, 04%; 3) nề (9,26%); 4) chạy chợ (16, 58%) và buôn bán nhỏ (16, 08%). Số hộ còn lại (10, 25%) có lao động thực hiện các việc làm phi nông nghiệp khác như: 1)

⁴ Theo cách phân tích của đồng chí Đỗ Thanh Hồng, cán bộ nghiên cứu ở Viện Xã hội học.

chế biến nông sản (hàng xáo, bánh cuốn, làm bún, nấu rượu, xay xát gạo; 2) vật liệu xây dựng và vận tải (gạch ngói, gạch hoa, vận tải bằng thuyền, lái xe ô tô vận tải); 3) đan, dệt may mặc (dệt thảm, dệt cói, thợ may, dệt len); 4) dịch vụ sản xuất và sinh hoạt (sửa xe đạp, xe máy, vẽ, làm tượng thờ, y tế tại nhà, thú y; 5) tham gia bộ máy quản lý (nhân viên tiện máy của xã, đội trưởng sản xuất); 6) việc làm khác (kéo vó, đái vàng).

Mức độ thuê và làm thuê ở Hải Vân cũng như ở một số xã khác là như sau (xem bảng 4).

Bảng 4: Tình hình thuê mướn lao động ở cơ du phương

Địa phương	Có thuê mướn người làm (%)			Có đi làm thuê (%)		
	Có	Không	Không trả lời	Có	Không	Không trả lời
1 Đình Bảng (68 mẫu)	54,4	45,6		29,4	70,6	
2 Hải Vân (206 mẫu)	29,92	70,87		68,84	31,55	
3 Tam Sơn (145 mẫu)	8,28	90,34	1,38	44,14	51,03	4,83

Ở làng xã vượt trội như Đình Bảng chẳng hạn, năng lực chủ yếu là thuê mướn nhân công và tỉ lệ số người đi làm thuê thấp hơn nhiều so với tỉ lệ số người có thuê mướn nhân công. ở làng xã yếu kém hơn như Hải Vân, Tam Sơn thì ngược lại, năng lực thuê mướn nhân công chưa đáng kể so với năng lực chủ yếu là đi làm thuê. Nông dân đồng bằng Bắc Bộ, nhất là thanh niên có nhiều người chấp nhận đi làm thuê rất xa quê hương, tận miền Trung, miền Nam, miền núi và cả ở nước ngoài.

Hộ đa năng và đa phương xuất hiện cả trong sản xuất, trong trao đổi sản phẩm, tư liệu sản xuất và sức lao động. *Năng lực tiếp thụ* bắt đầu khôi phục ở cấp độ vùng, hình thành dần ở các cấp độ làng, xã và hộ gia đình nông dân.

Tóm lại, đặc điểm chung của những chuyển đổi cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay là không xóa bỏ hoàn toàn cơ cấu xã hội kiểu cũ, cũng chưa xây dựng được cơ cấu xã hội kiểu mới mà *chủ yếu là kết hợp cơ cấu xã hội kiểu cũ đang phân giải với những đặc trưng và xu hướng thời để dần dần chuyển hẳn sang cơ cấu xã hội kiểu mới thật sự hiện đại và tiên tiến*. Tình không đồng đều, không ổn định, không vững chắc là tình trạng chung của những chuyển đổi cơ cấu xã hội trên toàn vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Cho đến nay, vùng nông thôn này vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn, trở lực trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường để có thể tiếp tục hiện đại hóa theo kiểu mới.

Nhưng xu thế chuyển đổi tiến bộ đã khá rõ nét, nhất là ở nhóm hộ gia đình và làng xã vượt trội. Do đó, nhiệm vụ trước mắt của điều tiết vĩ mô phải chăng là đổi mới tiếp tục, triệt để hơn, toàn diện hơn, tập trung đầu tư bồi dưỡng những năng lực vượt trội, đủ sức lôi kéo cả vùng đi lên theo chiến lược ổn định: phát triển nông thôn toàn diện.

Trong hệ chính sách xã hội mới, chúng tôi đề nghị Đảng và Nhà nước chú trọng khuyến khích những nhân tố và xu hướng tiên tiến sau đây.

1. *Hộ chuyên doanh*. Hiện thời ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ đã xuất hiện nhóm hộ tiêu

chủ trong đó giàu nhất là chủ bao mua cố kiêm dịch vụ tín dụng, bao thầu. tiếp đến là *chủ thầu khoán, chủ xưởng nhỏ và chủ trang trại nhỏ*. Nhóm hộ này có nhiều điều kiện, khả năng trở thành nhóm hộ chuyên doanh, thành những doanh nghiệp nông thôn với tỉ suất hàng hoá cao. Nhưng hiện nay họ đang gặp rất nhiều khó khăn, trở lực từ vi mô đến vĩ mô, từ bên trong cũng như cả bên ngoài. Họ đang thiếu vốn đầu tư lớn, thiếu lao động cố chuyên môn cao, thiếu kỹ thuật và công nghệ hiện đại, tiên tiến, thiếu nguyên vật liệu có chất lượng cao, thiếu cả địa bàn ổn định của thị trường tiêu thụ sản phẩm do họ làm ra. . .

Năng động hoa vi mô trong xu thế tăng cường tự do kinh tế di nhiên đang tự vạch đường đi lên. Nhưng rõ ràng nếu có sự trợ giúp của nhà nước, sự khuyến khích của điều tiết vĩ mô thì quá trình hình thành hộ chuyên doanh sẽ thuận lợi hơn. Và đó chính là tiền đề, điều kiện tiên quyết để hình thành cơ cấu xã hội kiểu mới ở nông thôn. Bởi lẽ nếu không có hộ chuyên doanh thì cũng không thể có kinh tế hộ gia đình với tỉ suất hàng hóa cao, mà không cố gắng lực sản xuất - kinh doanh với tỉ suất hàng hóa cao thì không thể có nền sản xuất hàng hóa và do đó khó xuất hiện nền kinh tế thị trường ở nông thôn .

Do tất yếu kinh tế - kỹ thuật và kinh tế - tổ chức, hộ chuyên doanh chỉ có thể hình thành trên cơ sở tập trung tư liệu sản xuất và các phương tiện kinh doanh hiệu quả. Hộ chủ bao mua tất nhiên là cần tập trung tiền vốn đầu tư, hộ chủ thầu khoán cũng vậy, hộ chủ xưởng cần tập trung phương tiện kỹ thuật cùng với công nghệ tiên tiến, còn hộ chủ nông trại nhỏ cần có điều kiện tập trung ruộng đất để trở thành chủ nông trại thật sự. Và như vậy vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước sẽ là tiếp tục đổi mới chính sách ruộng đất, chính sách đầu tư kỹ thuật và chuyển giao công nghệ hiện đại, tiên tiến cho nông nghiệp và nông thôn, bởi lẽ hiện nay còn đang thiếu hụt tiền đề, điều kiện tiên quyết cho quá trình hình thành và phát triển hộ chuyên doanh ở nông thôn .

2. Chế độ hợp tác kiểu mới

Hợp tác xã kiểu cũ đang sắp xếp, cơ cấu lại cũng như đổi mới chức năng để thích nghi với bước chuyển đổi kinh tế - xã hội sang sản xuất kinh doanh hàng hóa, lấy hộ gia đình làm đơn vị tự chủ sản xuất - kinh doanh .

Quá trình hộ gia đình tích cực tăng cường quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh khiến người ta có nhu cầu đặt vấn đề và tìm tòi hình thức hợp tác xã kiểu mới. Kết quả thu được tại một số điểm điều tra cho thấy có gần 60-70% số hộ gia đình được hỏi ý kiến muốn có hình thức hợp tác xã kiểu mới, cả về phương thức quản lý lẫn qui mô. / Dương nhiên cần xác nhận rằng, những đòi hỏi nêu trên của nông dân mới xuất phát chủ yếu từ tâm trạng không hài lòng của họ đối với cơ cấu tổ chức và cách thức quản lý các hợp tác xã như hiện nay. Hình thức mới của hợp tác xã biểu hiện như thế nào Cách thức quản lý ra sao. Cần có những điều kiện kinh tế - xã hội nào để hợp tác xã tiếp tục tồn tại và phát triển? . . . đó là những vấn đề mà trong thực tế người nông dân chưa có ý niệm rõ nét .

Qua khảo sát thực tế chúng tôi thấy xua hiện dần dần hình thức hợp tác xã góp cổ phần giữa các hộ gia đình có vốn vài ba triệu trở lên. ở các làng xã vượt trội hình thức mới này khá phổ biến. Như vậy là có hai khả năng hình thành hình thức hợp tác xã kiểu mới: 1) Cổ phần hóa hợp tác xã kiểu cũ và 2) Xây dựng hợp tác xã kiểu mới theo nguyên tắc góp cổ phần và ăn chia vừa theo nguyên tắc % lãi suất của vốn cổ phiếu vừa theo lao động thực tế đóng góp cho hợp tác xã. Cả 2 hướng chuyển đổi này đều tiến bộ, vì sẽ phù hợp với bước chuyển đổi kinh tế - xã hội sang sản xuất - kinh doanh hàng hóa nhiều thành phần, định hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nếu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong những năm tới đây định hình được mô hình kinh tế hộ chuyên doanh với tỉ suất hàng hóa cao nhờ dựa trên chế độ sở hữu đã được đổi mới và chế độ hợp tác xã kiểu mới cũng như cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại hoá thích hợp thì tự nó sẽ đủ sức tích lũy năng lực sản sảng "cát cánh" khi tiếp nhận nguồn lực đủ mạnh của điều tiết vĩ mô. Khi đó mới có thể có kỳ vọng thực tế chuyển hẳn nông thôn đồng bằng Bắc Bộ sang nền kinh tế thị trường, chuẩn bị sẵn sàng công nghiệp hóa và hiện đại hóa nói chung trên quy mô lớn và nhịp độ nhanh - khi đó mới có điều kiện thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, hiện đại, tiên tiến .